

Bản án số: 63/2022/DS-ST  
Ngày: 27-7-2022  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nhị.

2. Ông Bùi Mạnh Quyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2021/TLST – DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà A, sinh năm 1964. (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: ấp AH, xã BA, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: ông D, sinh năm 1975

Địa chỉ: 20 đường E, Phường F, thành phố TA, tỉnh Long An.

**2. Bị đơn:**

1/ Bà B, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp AH, xã BA, huyện T, tỉnh Long An

2/ Ông C, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ: 42 đường số 4 Lô D khu dân cư 1, thị trấn TT, huyện T, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà A và đại diện theo ủy quyền của bà A là ông D trình bày:

Bà có cho bà B và ông C vay nhiều lần, cụ thể các lần vay như sau.

Ngày 27/7/2020 cho vay 1.500.000.000 đồng, hạn ngày 17/8/2020 hoàn trả. Bà B có ký tên nhận nợ và có bà P ký nhận bảo lãnh.

Ngày 16/8/2020 cho vay 1.500.000.000 đồng, hạn ngày 18/8/2021 trả. Bà B có ký tên nhận nợ.

Ngày 09/9/2020 cho vay 300.000.000 đồng, hạn ngày 19/9/2020. Bà B có ký tên nhận nợ.

Ngày 21/2/2021 cho vay 170.000.000 đồng, hạn ngày 01/3/2021 trả. Bà B có ký nhận nợ.

Ngày 8/3/2021 cho vay 1.500.000.000 đồng, hạn ngày 12/3/2021 trả. Bà B có ký nhận nợ.

Ngày 02/6/2021 cho vay 1.050.000.000 đồng, hạn ngày 03/6/2021 trả. Bà B và ông C có ký nhận nợ.

Ngày 14/6/2021 cho vay 800.000.000 đồng, hạn ngày 15/6/2021 trả. Bà B và ông Trọng có ký nhận nợ.

Ngày 25/6/2021 cho vay 5.050.000.000 đồng, hạn ngày 29/6/2021 trả. Bà B có ký nhận nợ.

Ngày 30/6/2021 cho vay 500.000.000 đồng, hạn ngày 6/7/2021 trả. Bà B và ông C có ký nhận nợ.

Các khoản vay không có thỏa thuận lãi suất. Đến nay, bà B và ông C chưa trả tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật. Bà yêu cầu bà B và ông C Liên đới trả nợ và trả lãi theo quy định pháp luật. Bà P không có liên quan nên không yêu cầu.

Bị đơn bà B và ông C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết công khai và tổng đạt trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo cho **bà B và ông C** biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay theo đơn khởi kiện của **bà A** nhưng **ông C và bà B** không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của **bà A**.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng **ông C và bà B** không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng, việc xét xử vắng mặt **ông C và bà B** không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: bà A rút 1 phần yêu cầu nên đình chỉ 1 phần, bà A khởi kiện đòi số tiền vay còn lại, căn cứ vào giấy nợ, yêu cầu của bà The là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Bà A và ông C, bà B có ký với nhau các giấy mượn tiền từ ngày 27/7/2020 đến ngày 30/6/2021. Nay bà A khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Do bà B và ông C hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi bà A khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do bị đơn vắng mặt. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa, **bà B và ông C** là bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cho **bà B và ông C** bao gồm Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng **bà B và ông C** vẫn không đến tham gia phiên tòa. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đưa ra xét xử vắng mặt **bà B và ông C** là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà A rút yêu cầu đòi với số tiền vay 1.500.000.000 đồng ngày 27/7/2020 và số tiền vay 1.500.000.000 đồng ngày 8/3/2021. Bà A yêu cầu bà B và ông C liên đới trả tổng số tiền vay còn lại là 9.370.000.000 đồng. Đồng thời bà A không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa hôm nay, ông D đại diện bà A có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi với các khoản vay còn lại. Xét yêu cầu của bà A, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Bà A cho bà B và ông C vay các lần như sau:

Ngày 16/8/2020 cho vay 1.500.000.000 đồng, hạn ngày 18/8/2021 trả. Bà B có ký tên nhận nợ.

Ngày 09/9/2020 cho vay 300.000.000 đồng, hạn ngày 19/9/2020. Bà B có ký tên nhận nợ.

Ngày 21/2/2021 cho vay 170.000.000 đồng, hạn ngày 01/3/2021 trả. Bà B có ký nhận nợ.

Ngày 02/6/2021 cho vay 1.050.000.000 đồng, hạn ngày 03/6/2021 trả. Bà B và ông C có ký nhận nợ.

Ngày 14/6/2021 cho vay 800.000.000 đồng, hạn ngày 15/6/2021 trả. Bà B và ông C có ký nhận nợ.

Ngày 25/6/2021 cho vay 5.050.000.000 đồng, hạn ngày 29/6/2021 trả. Bà B có ký nhận nợ.

Ngày 30/6/2021 cho vay 500.000.000 đồng, hạn ngày 6/7/2021 trả. Bà B và ông C có ký nhận nợ, vay không lãi suất.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà B và ông C vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, Công an xã BA xác nhận bà B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp AH, xã BA, huyện T, tỉnh Long An và Công an thị trấn Th xác nhận ông C có đăng ký thường trú tại 42 đường số 4 Lô D khu dân cư 1, thị trấn TT, huyện T, tỉnh Long An nhưng hiện nay bà B và ông C không còn sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ. Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ

án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà và các chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp, bà B và ông C đã được thông báo đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Toà án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Toà án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp. Về nghĩa vụ liên đới, ông C cũng có ký giấy mượn tiền, bà B và ông C là vợ chồng, các khoản vay trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 16/8/2020, ngày 09/9/2020, ngày 21/2/2021, ngày 02/6/2021, ngày 14/6/2021, ngày 25/6/2021 và ngày 30/6/2021 buộc bà B và ông C liên đới trả cho bà A số tiền vay gốc 9.370.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với số tiền vay 1.500.000.000 đồng giấy mượn tiền ngày 27/7/2020 và 1.500.000.000 đồng giấy mượn tiền ngày 8/3/2021 do bà A rút yêu cầu. Bà The được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo Khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bà P có ký bảo lãnh giấy mượn tiền ngày 27/7/2020, bà A không yêu cầu do bà P không liên quan đồng thời cũng rút yêu cầu đối với khoản vay ngày 27/7/2020 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về phần tiền lãi: bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3.000.000 đồng. Do bà A là đương sự có yêu cầu. Trong trường hợp này, lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do đương sự có yêu cầu chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự và bà A đã nộp xong.

[10] LỜI đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[11] Về án phí: bà B và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải thanh toán. Bà A không phải chịu án phí. Hoàn lại tạm ứng án phí cho bà A.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các Điều 227, 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A do ông D đại diện.

Buộc bà B và ông C liên đới trả cho bà A số tiền 9.370.000.000 đồng (theo giấy mượn tiền ngày 16/8/2020, ngày 09/9/2020, ngày 21/2/2021, ngày 02/6/2021, ngày 14/6/2021, ngày 25/6/2021 và ngày 30/6/2021).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với số tiền vay 1.500.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 27/7/2020 và 1.500.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 8/3/2021. Bà A được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo Khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3.000.000 đồng, bà A chịu và nộp xong.

Về án phí: bà B và ông C phải chịu 117.370.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà A 30.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số 0002107 ngày 02/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Án văn, Lưu;

**Hồ Bảo Trâm**